

Số: 12871/UBND-KGVX

Đồng Nai, ngày 26 tháng 12 năm 2025

V/v chấn chỉnh việc cập nhật,
đồng bộ cơ sở dữ liệu về cán bộ,
công chức, viên chức

Kính gửi:

- Thủ trưởng các sở, ban, ngành;
- Thủ trưởng các đơn vị sự nghiệp
công lập trực thuộc tỉnh;
- Chủ tịch UBND các xã, phường.

Thực hiện Công văn số 9955/BNV-CCVC ngày 30/10/2025 của Bộ Nội vụ về việc triển khai Cơ sở dữ liệu quốc gia về cán bộ, công chức, viên chức theo mô hình tổ chức mới; tiếp theo Công văn số 10724/UBND-KGVX ngày 27/11/2025, Chủ tịch UBND tỉnh về việc yêu cầu cập nhật, đồng bộ dữ liệu về cán bộ, công chức, viên chức.

Theo báo cáo của Sở Nội vụ tại Văn bản số 7812/SNV-CCVC ngày 17/12/2025, đến nay tỷ lệ đồng bộ dữ liệu cán bộ, công chức, viên chức của tỉnh với Cơ sở dữ liệu quốc gia về cán bộ, công chức, viên chức chỉ đạt **khoảng 71%**, không đáp ứng yêu cầu chỉ tiêu trên 95% theo chỉ đạo của Bộ Nội vụ phải hoàn thành **trong tháng 12/2025**, ảnh hưởng trực tiếp đến kết quả chung của tỉnh và tiến độ triển khai nhiệm vụ của Trung ương. *(Kèm theo bảng thống kê tình trạng đồng bộ dữ liệu của các cơ quan, đơn vị, địa phương).*

Qua báo cáo, tổng hợp cho thấy, việc tổ chức chỉ đạo, kiểm tra, đôn đốc công tác rà soát, cập nhật, làm sạch dữ liệu tại một số cơ quan, đơn vị, địa phương chưa được thực hiện đầy đủ, thiếu quyết liệt, chưa gắn với trách nhiệm của người đứng đầu, dẫn đến kết quả thực hiện còn thấp, kéo dài. Trước tình hình trên, nhằm kịp thời chấn chỉnh, siết chặt kỷ cương, nâng cao trách nhiệm trong tổ chức thực hiện; Chủ tịch UBND tỉnh yêu cầu:

1. Nhắc nhở các cơ quan, đơn vị, địa phương có tỷ lệ đồng bộ dữ liệu cán bộ, công chức, viên chức còn thấp (cụ thể: Sở Nông nghiệp và Môi trường; Ban Quản lý các Khu công nghiệp, Khu kinh tế; Ban Quản lý dự án khu vực Phước Long; Ban Quản lý dự án khu vực Bù Gia Mập; Trường Cao đẳng Công nghệ Đồng Nai; Trung tâm Phát triển quỹ đất tỉnh; UBND phường Phước Long; UBND các xã: Tân Hưng, Tân Khai, Bù Gia Mập, Phú Nghĩa, Đồng Phú, Phú Trung, Bom Bo, Bình An, Xuân Quế). Yêu cầu các cơ quan, đơn vị, địa phương phải nghiêm túc trách nhiệm trong công tác chỉ đạo, tổ chức thực hiện; đồng thời tập trung toàn bộ nguồn lực để khẩn trương khắc phục,

hoàn thành việc cập nhật, đồng bộ dữ liệu theo đúng yêu cầu và thời hạn đã giao.

2. Đối với các cơ quan, đơn vị, địa phương đã đạt kết quả đồng bộ ở mức cao, yêu cầu tiếp tục duy trì, cập nhật thường xuyên, bảo đảm dữ liệu đầy đủ, chính xác, thống nhất; tuyệt đối không để xảy ra tình trạng chậm cập nhật, sai lệch thông tin hoặc suy giảm chất lượng dữ liệu trong quá trình khai thác, sử dụng, cụ thể: Sở Nội vụ; Sở Xây dựng; Ban Quản lý dự án khu vực 2, 4, 8, 9, 10, Đồng Phú, Phú Riềng và Chơn Thành; Khu Bảo tồn Thiên nhiên - Văn hóa Đồng Nai; Trường Cao đẳng Kỹ thuật Đồng Nai; UBND các phường: Bình Phước; Tam Hiệp; UBND các xã: Nhơn Trạch, An Viễn, Bình Minh, Trảng Bom, Bàu Hàm, Hưng Thịnh, Sông Ray, Tà Lài, Phú Lý.

3. Thủ trưởng các sở, ban, ngành tỉnh; Chủ tịch UBND các xã, phường

a) Khẩn trương trực tiếp chỉ đạo, chịu trách nhiệm toàn diện đối với việc cập nhật, rà soát, làm sạch và đồng bộ dữ liệu hồ sơ cán bộ, công chức, viên chức thuộc phạm vi quản lý; hoàn thành việc cập nhật đầy đủ, chính xác, đúng định dạng kỹ thuật tất cả các trường thông tin hồ sơ cá nhân vào kho dữ liệu của tỉnh để đồng bộ về cơ sở dữ liệu quốc gia. Công việc hoàn thành **trước ngày 29/12/2025**.

b) Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị, địa phương chịu trách nhiệm trước Chủ tịch UBND tỉnh nếu không hoàn thành chỉ tiêu, tiến độ hoặc để xảy ra sai sót về chất lượng dữ liệu không làm ảnh hưởng đến kết quả chung của tỉnh, bảo đảm đáp ứng yêu cầu theo quy định.

4. Giao Sở Nội vụ

a) Chủ trì, phối hợp các sở, ngành, đơn vị và địa phương liên quan tăng cường hướng dẫn, kiểm tra, đôn đốc việc cập nhật, làm sạch dữ liệu hồ sơ cán bộ, công chức, viên chức; theo dõi sát tiến độ thực hiện của từng cơ quan, đơn vị, địa phương; định kỳ và đột xuất tổng hợp, báo cáo Chủ tịch UBND tỉnh kết quả cập nhật, đồng bộ dữ liệu.

b) Trên cơ sở kết quả thực hiện, tham mưu Chủ tịch UBND tỉnh xem xét trách nhiệm của người đứng đầu các cơ quan, đơn vị, địa phương không hoàn thành nhiệm vụ theo yêu cầu, làm căn cứ đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ năm 2025 và xem xét trách nhiệm theo quy định.

Yêu cầu Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị, địa phương nghiêm túc triển khai thực hiện; xem đây là nhiệm vụ bắt buộc, trọng tâm, không được chậm trễ. /

Nơi nhận:

- Như trên;
- Chủ tịch, các PCT. UBND tỉnh;
- Chánh, các PCVP. UBND tỉnh;
- Lưu: VT, HCTC, KGVX.

KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Nguyễn Kim Long

Số: 7812 /SNV-CCVC

Đồng Nai, ngày 17 tháng 12 năm 2025

V/v báo cáo kết quả đồng bộ dữ
liệu cán bộ, công chức, viên chức
(CBCCVC) của tỉnh (lần 2)

Kính gửi: Chủ tịch UBND tỉnh

Căn cứ Công văn số 9955/BNV-CCVC ngày 30/10/2025 của Bộ Nội vụ về việc triển khai CSDLQG về CBCCVC theo mô hình tổ chức mới;

Thực hiện ý kiến chỉ đạo của Chủ tịch UBND tỉnh tại Công văn số 8974/UBND-KGVX ngày 05/11/2025 về việc triển khai Cơ sở dữ liệu quốc gia về cán bộ, công chức, viên chức theo mô hình tổ chức mới và Công văn số 10724/UBND-KGVX ngày 27/11/2025 về việc yêu cầu cập nhật, đồng bộ dữ liệu về cán bộ, công chức, viên chức.

Trong đó, giao Sở Nội vụ khẩn trương chủ trì, phối hợp các cơ quan, đơn vị liên quan rà soát, triển khai thực hiện đồng bộ dữ liệu quốc gia về cán bộ, công chức, viên chức. Sở Nội vụ báo cáo Chủ tịch UBND tỉnh một số nội dung như sau:

Thực hiện chỉ đạo của Chủ tịch UBND tỉnh, Sở Nội vụ đã ban hành các văn bản hướng dẫn, đôn đốc triển khai thực hiện:

- Văn bản số 05642/SNV-CCVC ngày 05/11/2025 về việc cập nhật thông tin dữ liệu CBCCVC theo mô hình chính quyền 02 cấp, yêu cầu hoàn thiện trước ngày 10/11/2025 để đồng bộ dữ liệu về Trung tâm dữ liệu quốc gia;

- Văn bản số 5967/SNV-CCVC ngày 11/11/2025 về việc tổ chức tập huấn phần mềm quản lý CBCCVC, nhằm đảm bảo cho các cơ quan, đơn vị xử lý được các tình huống xảy ra khi cập nhật hồ sơ, quản lý nhân sự và quản trị phần mềm quản lý cán bộ, công chức, viên chức trên địa bàn tỉnh;

- Văn bản số 6076/SNV-CCVC ngày 13/11/2025 về việc đôn đốc cập nhật thông tin dữ liệu CBCCVC theo mô hình chính quyền 02 cấp (lần 2). Trong đó, yêu cầu hoàn thiện trước ngày 22/11/2025 để đồng bộ dữ liệu về Trung tâm dữ liệu quốc gia;

- Văn bản số 7110/SNV-CCVC ngày 04/12/2025 về việc hướng dẫn sử dụng phần mềm quản lý CBCCVC; ngày 10/12/2025, Sở Nội vụ ban hành Công văn số 7479/SNV-CCVC về việc đôn đốc cập nhật thông tin dữ liệu CBCCVC theo mô hình chính quyền 02 cấp (lần 3).

Tiếp tục đến ngày 24/11/2025, Sở Nội vụ đã ban hành Công văn số 6595/SNV-CCVC về việc báo cáo kết quả đồng bộ dữ liệu cán bộ, công chức, viên chức (CBCCVC) của tỉnh.

Trên cơ sở đó, Chủ tịch UBND tỉnh đã ban hành Công văn số 10724/UBND-KGVX ngày 27/11/2025 về việc yêu cầu cập nhật, đồng bộ dữ liệu về cán bộ, công chức, viên chức. Trong đó, Chủ tịch UBND tỉnh yêu cầu các cơ quan, đơn vị, địa phương hoàn thiện trước ngày **08/12/2025** để đồng bộ dữ liệu về Trung tâm dữ liệu quốc gia.

Tuy nhiên đến nay, việc đồng bộ dữ liệu CBCCVC của tỉnh với cơ sở dữ liệu quốc gia về CBCCVC (do Bộ Nội vụ quản lý) đạt được khoảng **71%**, vẫn còn thấp so với chỉ tiêu của Bộ Nội vụ đề ra phải đạt trên **95%** hoàn thành trong **tháng 12/2025**.

Để đảm bảo theo đúng tiến độ trong việc triển khai đồng bộ được dữ liệu Quốc gia về cán bộ, công chức, viên chức theo chỉ đạo của Bộ Nội vụ, Sở Nội vụ báo cáo kết quả và kính trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh ký ban hành văn bản chỉ đạo, nhắc nhở các cơ quan, đơn vị địa phương nghiêm chỉnh chấp hành việc cập nhật, đồng bộ cơ sở dữ liệu về cán bộ, công chức, viên chức theo mô hình tổ chức mới (02 cấp).

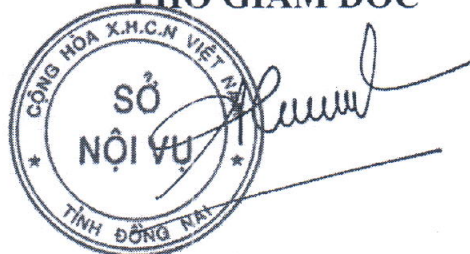
Sở Nội vụ kính báo cáo Chủ tịch UBND tỉnh xem xét./.

(Gửi kèm dự thảo Công văn chỉ đạo của Chủ tịch UBND tỉnh; bảng thống kê tình trạng đồng bộ dữ liệu của các cơ quan, địa phương)

Nơi nhận:

- Như trên;
- Giám đốc, các PGĐ Sở;
- Lưu: VT, P.CCVC (Hậu).

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**



Đặng Thanh Hoàng

THÔNG KÊ TÌNH TRẠNG ĐỒNG BỘ DỮ LIỆU HỒ SƠ CSDLQG VỀ CBCCVC

Đơn vị: UBND Tỉnh Đồng Nai
Từ ngày 01/11/2025 Đến ngày 15/12/2025

STT	Đơn vị/phòng ban	Số lượng hồ sơ đã đồng bộ CSDLQG về CBCCVC						Số lượt đã đồng bộ tên hệ thống CSDLQG về CBCCVC			
		Tỷ lệ %	Tổng hồ sơ	Tổng	Số lượng hồ sơ cần bộ công chức	Số lượng hồ sơ viên chức	Số lượng hồ sơ người lao động ký hợp đồng	Chưa xác định	Số lượt đồng bộ thêm mới	Số lượt đồng bộ chỉnh sửa	Số lượt đồng bộ thời việc
1	Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh	81,25	160	130	53	14	17	0	44	82	12
2	Sở Nội vụ	100,00	163	163	90	61	0	0	43	254	6
3	Sở Khoa học và Công nghệ	76,47	204	156	57	91	8	0	16	159	24
4	Thanh tra tỉnh	62,55	243	152	147	5	0	0	46	309	11
5	Sở Công Thương	90,29	206	186	169	15	2	0	136	208	15
6	Sở Tư pháp	83,51	97	81	27	53	1	0	25	99	17
7	Sở Nông nghiệp và Môi trường	46,26	2635	1219	271	809	134	5	333	1930	79
8	Sở Y tế	68,32	11955	8168	111	7690	355	12	5405	5635	210
9	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	93,12	378	352	52	271	29	0	69	714	79
10	Sở Xây dựng	97,01	501	486	115	298	71	2	86	762	70
11	Sở Tài chính	84,14	145	122	116	5	1	0	19	135	27
12	Sở Giáo dục và Đào tạo	63,77	6737	4296	60	4068	162	6	1359	4972	161
13	Ban Quản lý các Khu công nghiệp - Khu Kinh tế	46,90	113	53	42	11	0	0	9	97	21
14	Ban Quản lý dự án, đầu tư xây dựng tỉnh	90,38	208	188	0	152	36	0	121	104	9
15	Khu Bảo tồn Thiên nhiên - Văn Hóa Đồng Nai	100,00	236	236	0	230	6	0	41	230	27
16	Trường Đại học Đồng Nai	69,20	435	301	2	292	7	0	8	371	56

STT	Đơn vị/phòng ban	Số lượng hồ sơ đã đồng bộ CSDLQG về CBCVC						Số lượt đã đồng bộ lên hệ thống CSDLQG về CBCVC			
		Tỷ lệ %	Tổng hồ sơ	Tổng	Số lượng hồ sơ cán bộ công chức	Số lượng hồ sơ viên chức	Số lượng hồ sơ người lao động ký hợp đồng	Chưa xác định	Số lượt đồng bộ thêm mới	Số lượt đồng bộ chỉnh sửa	Số lượt đồng bộ thôi việc
17	Trường Cao đẳng Y tế	96,15	78	75	0	75	0	0	19	114	9
18	Trường Cao đẳng Công nghệ cao Đồng Nai	36,05	147	53	0	50	3	0	6	51	16
19	Trường Cao đẳng kỹ thuật Đồng Nai	97,86	140	137	0	137	0	0	14	161	4
20	Ban Quản lý dự án Khu vực 1	91,18	34	31	0	31	0	0	0	35	1
21	Ban Quản lý dự án khu vực 2	100,00	22	22	2	7	13	0	22	7	0
22	Ban Quản lý dự án khu vực 8	100,00	17	17	0	13	4	0	16	1	0
23	Ban Quản lý dự án khu vực 7	92,86	14	13	0	13	0	0	1	16	0
24	Ban Quản lý dự án khu vực 4	100,00	23	23	0	21	2	0	2	29	0
25	Ban Quản lý dự án khu vực 9	100,00	43	43	3	24	16	0	9	50	4
26	Ban Quản lý dự án khu vực 11	75,86	29	22	0	19	3	0	12	19	0
27	Ban Quản lý dự án khu vực 10	100,00	10	10	0	9	1	0	0	16	0
28	Ban Quản lý dự án khu vực 5	70,97	31	22	0	22	0	0	21	17	0
29	Ban Quản lý dự án khu vực 3	93,10	29	27	1	18	8	0	26	4	0
30	Ban Quản lý dự án khu vực 6	81,48	27	22	0	22	0	0	20	4	0
31	Hội đồng nhân dân tỉnh	82,05	39	32	32	0	0	0	30	16	0
32	Trung tâm Phát triển quý đất tỉnh Đồng Nai	41,11	270	111	4	89	17	1	39	88	19
33	Sở Dân tộc và Tôn giáo	53,23	62	33	29	2	2	0	8	32	0
34	Trường Cao đẳng Bình Phước	92,44	119	110	3	104	3	0	33	128	2

STT	Đơn vị/phòng ban	Số lượng hồ sơ đã đồng bộ CSDL QG về CBCCVC						Số lượt đã đồng bộ lên hệ thống CSDL QG về CBCCVC			
		Tỷ lệ %	Tổng hồ sơ	Tổng	Số lượng hồ sơ cán bộ công chức	Số lượng hồ sơ viên chức	Số lượng hồ sơ người lao động ký hợp đồng	Chưa xác định	Số lượt đồng bộ thêm mới	Số lượt đồng bộ chỉnh sửa	Số lượt đồng bộ thôi việc
35	Ban quản lý Vườn Quốc gia Bù Gia Mập	96,55	58	56	9	47	0	0	39	24	1
36	UBND phường Minh Hưng	57,64	347	200	24	149	26	1	129	182	4
37	UBND phường Chơn Thành	58,12	511	297	28	241	28	0	177	250	8
38	UBND xã Nha Bích	60,14	281	169	14	143	9	3	122	160	4
39	UBND xã Tân Quan	89,83	295	265	29	231	5	0	192	213	13
40	UBND xã Tân Hưng	50,00	422	211	6	201	4	0	179	234	1
41	UBND xã Tân Khai	30,06	469	141	4	127	10	0	62	148	1
42	UBND xã Minh Đức	71,96	214	154	15	122	17	0	139	97	3
43	UBND phường Bình Long	69,42	582	404	45	306	51	2	226	412	7
44	UBND phường An Lộc	73,19	455	333	10	261	62	0	249	237	21
45	UBND xã Lộc Thành	86,82	220	191	20	167	2	2	181	105	1
46	UBND xã Lộc Ninh	86,89	427	371	21	336	13	1	215	295	5
47	UBND xã Lộc Hưng	71,14	298	212	14	187	11	0	151	241	3
48	UBND xã Lộc Tấn	57,20	271	155	1	144	10	0	79	185	0
49	UBND xã Lộc Thanh	62,03	158	98	25	64	9	0	91	69	2
50	UBND xã Lộc Quang	71,47	375	268	21	205	40	2	193	215	1
51	UBND xã Tân Tiến	55,05	416	229	25	159	44	1	123	275	4
52	UBND xã Thiện Hưng	84,04	564	474	25	390	56	3	404	551	7

STT	Đơn vị/phòng ban	Số lượng hồ sơ đã đồng bộ CSDLQG về CBCVC							Số lượt đã đồng bộ lên hệ thống CSDLQG về CBCVC			
		Tỷ lệ %	Tổng hồ sơ	Tổng	Số lượng hồ sơ cần bộ công chức	Số lượng hồ sơ viên chức	Số lượng hồ sơ người lao động ký hợp đồng	Chưa xác định	Số lượt đồng bộ thêm mới	Số lượt đồng bộ chỉnh sửa	Số lượt đồng bộ thôi việc	
53	UBND xã Hưng Phước	49,19	246	121	19	99	1	2	117	95	1	
54	UBND xã Bù Gia Mập	37,87	235	89	20	64	4	1	66	99	0	
55	UBND xã Đăk O	55,38	325	180	3	139	38	0	118	154	2	
56	UBND xã Phú Nghĩa	39,39	495	195	3	166	26	0	165	172	0	
57	UBND xã Đa Kia	60,11	544	327	11	240	76	0	315	346	1	
58	UBND phường Phước Bình	91,49	482	441	43	371	26	1	263	426	9	
59	UBND phường Phước Long	46,56	567	264	33	207	24	0	188	258	1	
60	UBND xã Bình Tân	51,63	430	222	21	192	9	0	132	292	1	
61	UBND xã Long Hà	94,66	337	319	26	282	11	0	186	310	11	
62	UBND xã Phú Riêng	66,05	539	356	15	325	15	1	333	274	1	
63	UBND xã Phú Trung	30,34	178	54	4	46	4	0	47	25	0	
64	UBND phường Đồng Xoài	67,69	489	331	59	192	24	1	218	265	5	
65	UBND phường Bình Phước	97,04	1182	1147	100	1002	45	0	673	1480	28	
66	UBND xã Thuận Lợi	79,54	347	276	16	235	25	0	212	244	1	
67	UBND xã Đồng Tâm	83,90	354	297	32	256	9	0	281	107	1	
68	UBND xã Tân Lợi	57,89	209	121	23	93	5	0	64	248	3	
69	UBND xã Đồng Phú	44,67	741	331	16	275	38	2	305	167	0	
70	UBND xã Phước Sơn	85,82	402	345	22	303	20	0	330	415	24	

STT	Đơn vị/phòng ban	Số lượng hồ sơ đã đồng bộ CSDLQG về CBCCV							Số lượt đã đồng bộ lên hệ thống CSDLQG về CBCCV			
		Tỷ lệ %	Tổng hồ sơ	Tổng	Số lượng hồ sơ cần bộ công chức	Số lượng hồ sơ viên chức	Số lượng hồ sơ người lao động ký hợp đồng	Chưa xác định	Số lượt đồng bộ thêm mới	Số lượt đồng bộ chỉnh sửa	Số lượt đồng bộ thôi việc	
71	UBND xã Nghĩa Trung	72,82	482	351	22	296	32	1	235	348	4	
72	UBND xã Bù Đăng	60,63	607	368	15	329	22	2	303	402	2	
73	UBND xã Thọ Sơn	77,30	370	286	17	240	29	0	253	172	0	
74	UBND xã Đak Nhau	90,32	310	280	19	237	24	0	126	245	6	
75	UBND xã Bom Bo	46,39	319	148	11	121	16	0	75	108	1	
76	UBND phường Biên Hòa	66,21	586	388	38	322	27	1	15	582	45	
77	UBND phường Trăn Biên	48,44	2176	1054	86	884	73	11	48	1487	117	
78	UBND phường Tam Hiệp	99,45	1094	1088	90	927	67	4	34	1490	132	
79	UBND phường Long Bình	85,65	1192	1021	50	938	33	0	22	1439	66	
80	UBND phường Trảng Dài	78,10	790	617	46	558	13	0	37	926	24	
81	UBND phường Hồ Nai	75,04	593	445	2	431	12	0	116	500	27	
82	UBND phường Long Hưng	71,89	555	399	33	354	11	1	6	601	26	
83	UBND phường Phước Tân	78,96	518	409	32	370	7	0	15	751	23	
84	UBND phường Tam Phước	67,06	595	399	18	366	15	0	4	732	12	
85	UBND xã Đại Phước	68,85	687	473	76	358	39	0	229	644	24	
86	UBND xã Nhơn Trạch	98,78	1065	1052	102	910	37	3	503	903	112	
87	UBND xã Phước An	57,87	731	423	41	369	10	3	253	648	22	
88	UBND xã Phước Thái	63,59	434	276	7	269	0	0	218	127	2	

STT	Đơn vị/phòng ban	Số lượng hồ sơ đã đồng bộ CSĐT QG và CBCVC							Số lượt đã đồng bộ lên hệ thống CSĐT QG và CBCVC			
		Tỷ lệ %	Tổng hồ sơ	Tổng	Số lượng hồ sơ cần bộ công chức	Số lượng hồ sơ viên chức	Số lượng hồ sơ người lao động ký hợp đồng	Chưa xác định	Số lượt đồng bộ thêm mới	Số lượt đồng bộ chỉnh sửa	Số lượt đồng bộ thôi việc	
89	UBND xã Long Phước	84,46	354	299	11	271	17	0	274	167	9	
90	UBND xã Bình An	7,53	146	11	5	5	1	0	7	4	0	
91	UBND xã Long Thành	72,45	853	618	44	563	11	0	484	484	14	
92	UBND xã An Phước	88,42	259	229	5	224	0	0	202	182	6	
93	UBND xã An Viễn	100,45	224	225	48	165	11	1	138	330	6	
94	UBND xã Bình Minh	99,10	664	658	60	580	17	1	437	685	18	
95	UBND xã Trảng Bom	99,17	848	841	75	756	10	0	644	849	42	
96	UBND xã Bàu Hàm	99,40	497	494	54	392	48	0	287	437	21	
97	UBND xã Hưng Thịnh	97,29	479	466	65	390	11	0	317	390	5	
98	UBND xã Dầu Giây	73,44	753	553	26	502	23	2	160	738	27	
99	UBND xã Gia Kiệm	88,95	679	604	37	554	12	1	132	869	33	
100	UBND xã Thống Nhất	56,59	857	485	42	414	25	4	115	629	38	
101	UBND phường Bình Lợi	63,59	412	262	16	226	20	0	108	367	25	
102	UBND phường Bảo Vinh	83,81	278	233	13	196	24	0	103	176	8	
103	UBND phường Xuân Lập	91,00	200	182	27	125	30	0	135	240	4	
104	UBND phường Long Khánh	75,24	840	632	50	542	39	1	334	857	41	
105	UBND phường Hàng Gòn	96,36	220	212	37	164	11	0	127	200	2	
106	UBND xã Xuân Quế	43,37	249	108	0	99	9	0	28	156	13	

STT	Đơn vị/phòng ban	Số lượng hồ sơ đã đồng bộ CSDL QG về CBCVC							Số lượt đã đồng bộ lên hệ thống CSDL QG về CBCVC			
		Tỷ lệ %	Tổng hồ sơ	Tổng	Số lượng hồ sơ cần hệ công chức	Số lượng hồ sơ viên chức	Số lượng hồ sơ người lao động ký hợp đồng	Chưa xác định	Số lượt đồng bộ thêm mới	Số lượt đồng bộ chỉnh sửa	Số lượt đồng bộ thời việc	
107	UBND xã Xuân Đường	92,17	230	212	3	180	29	0	66	325	16	
108	UBND xã Cẩm Mỹ	55,53	859	477	79	333	64	1	142	517	26	
109	UBND xã Sông Ray	99,57	460	458	34	355	69	0	72	736	17	
110	UBND xã Xuân Đông	87,06	541	471	22	380	67	2	51	793	25	
111	UBND xã Xuân Định	66,59	446	297	19	250	27	1	31	399	27	
112	UBND xã Xuân Phú	75,53	331	250	28	202	20	0	12	298	17	
113	UBND xã Xuân Lộc	85,91	1157	994	21	928	45	0	72	1472	66	
114	UBND xã Xuân Hòa	61,03	988	603	99	468	36	0	34	727	28	
115	UBND xã Xuân Thành	87,08	325	283	7	239	37	0	29	406	14	
116	UBND xã Xuân Bắc	54,48	424	231	18	190	22	1	23	330	24	
117	UBND xã La Ngà	73,51	419	308	24	261	23	0	30	420	17	
118	UBND xã Định Quán	79,12	1279	1012	60	827	110	15	107	1715	72	
119	UBND xã Thanh Sơn	90,74	367	333	24	267	41	1	89	466	17	
120	UBND xã Phú Vinh	88,64	308	273	34	217	21	1	18	406	8	
121	UBND xã Phú Hòa	86,45	332	287	23	230	34	0	31	585	16	
122	UBND xã Tà Lài	97,72	438	428	45	311	72	0	38	576	41	
123	UBND xã Nam Cát Tiến	82,78	273	226	21	157	48	0	20	358	16	
124	UBND xã Tân Phú	65,38	1245	814	46	660	107	1	66	1124	65	

STT	Đơn vị/phòng ban	Số lượng hồ sơ đã đồng bộ CSDL QG về CBCCVC							Số lượt đã đồng bộ lên hệ thống CSDL QG về CBCCVC		
		Tỷ lệ %	Tổng hồ sơ	Tổng	Số lượng hồ sơ cần bộ công chức	Số lượng hồ sơ viên chức	Số lượng hồ sơ người lao động ký hợp đồng	Chưa xác định	Số lượt đồng bộ thêm mới	Số lượt đồng bộ chỉnh sửa	Số lượt đồng bộ thời việc
125	UBND xã Phú Lâm	80,79	630	509	8	430	71	0	46	702	39
126	UBND xã Đak Lua	76,79	112	86	4	54	23	5	15	109	1
127	UBND xã Phú Lý	100,00	130	130	33	82	14	1	63	172	5
128	UBND xã Trị An	72,74	851	619	70	499	47	3	298	678	28
129	UBND xã Tân An	100,27	377	378	45	316	17	0	250	1009	6
130	UBND phường Tân Triều	95,42	1005	959	55	845	59	0	255	1377	45
131	Ban Quản lý dự án khu vực Đồng Xoài	83,33	18	15	0	13	2	0	13	5	0
132	Ban Quản lý dự án khu vực Đồng Phú	100,00	6	6	0	6	0	0	4	3	0
133	Ban Quản lý dự án khu vực Chơn Thành	100,00	12	12	0	11	1	0	10	4	0
134	Ban Quản lý dự án khu vực Hớn Quản	50,00	10	5	1	3	1	0	2	4	0
135	Ban Quản lý dự án khu vực Bình Long	91,67	12	11	1	4	6	0	11	5	0
136	Ban Quản lý dự án khu vực Lộc Ninh	86,67	15	13	0	9	4	0	11	5	0
137	Ban Quản lý dự án khu vực Bù Đốp	85,71	7	6	0	6	0	0	4	2	0
138	Ban Quản lý dự án khu vực Phước Long	7,14	14	1	0	1	0	0	1	0	0
139	Ban Quản lý dự án khu vực Bù Gia Mập	11,76	17	2	0	1	1	0	2	0	0
140	Ban Quản lý dự án khu vực Phú Riềng	100,00	12	12	0	10	2	0	10	8	0
141	Ban Quản lý dự án khu vực Bù Đăng	75,00	16	12	0	7	5	0	12	3	0
142	Sở Ngoại vụ	69,57	23	16	13	3	0	0	6	20	0

STT	Đơn vị/phòng ban	Số lượng hồ sơ đã đồng bộ CSDLQG về CBCCVC										Số lượt đã đồng bộ tên hệ thống CSDLQG về CBCCVC			
		Tỷ lệ %	Tổng hồ sơ	Tổng	Số lượng hồ sơ cần bộ công chức	Số lượng hồ sơ viên chức	Số lượng hồ sơ người lao động ký hợp đồng	Chưa xác định	Số lượt đồng bộ thêm mới	Số lượt đồng bộ chỉnh sửa	Số lượt đồng bộ thôi việc				
143	Chưa xác định đơn vị	24,37	439	107	20	38	48	1	68	165	1				
	Tổng	71,11	76059	54082	4372	45933	3659	118	23544	61920	3122				